

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 10-02-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thiện Đào Duyên

Bà Quách Thị Hồng Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 01 và 10 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số nhà 57/1, ấp Q, xã K, thành phố S, tỉnh Đ.

Bị đơn: Bà Lê Thị U, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số nhà 57/1, ấp Q, xã K, thành phố S, tỉnh Đ. .

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà U thông qua mai mối tiến tới hôn nhân, tổ chức đám cưới và chung sống như vợ chồng vào năm 1975, không có đăng ký kết hôn, do thời điểm đó pháp luật về hôn nhân và gia đình không có quy định về việc vợ chồng chung sống phải đăng ký kết hôn. Sau khi cưới cả hai

về sống bên gia đình của ông D. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 10 năm trở lại đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con, cháu. Vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đó, tình cảm giữa hai bên ngày càng phai nhạt, ông D và bà U đã sống ly thân đến nay trên 10 năm. Trước đây, ông D cũng đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bà U, nhưng vì muốn để cho cả hai thêm cơ hội nên ông D đã rút đơn kiện. Tuy nhiên, sau đó tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, nay ông D xác định không còn tình cảm đối với bà U, vợ chồng không thể nào trở lại tiếp tục chung sống nên ông D yêu cầu ly hôn bà U.

- Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1978, Nguyễn Thanh N, sinh năm 1982 và Nguyễn Thanh G, sinh năm 1984. Các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Ông D và bà U tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, ông D không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Lê Thị U: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà U vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự (nguyên đơn) đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà U đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã không sống chung trong một thời gian dài. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D. Cho ông D và bà U ly hôn.

Về con chung: Các con đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị U đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị U chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1975, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, được sự chấp nhận của hai bên gia đình, nhưng quá trình chung sống không có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì *“Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 1 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”*.

Đồng thời, tại Mục 1 Thông tư 01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35 có quy định như sau:

“Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội, trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung. Cần chú ý là trong trường hợp sau khi quan hệ vợ chồng đã được xác lập họ mới thực hiện việc đăng ký kết hôn, thì quan hệ vợ chồng của họ vẫn được công nhận kể từ ngày xác lập (ngày họ bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng), chứ không phải là chỉ được công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn.”

Đối chiếu với quy định trên thì trường hợp của ông D và bà U chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1975 (trước ngày 03/01/1987), mặc dù ông bà chưa đăng ký kết hôn nhưng vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng (hôn nhân thực tế). Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa ông D và bà U đã phát sinh nhiều nguyên nhân do cả hai không phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con, cháu. Ông D và bà U đã sống ly thân đến nay trên 10 năm. Tháng 3/2021, ông D đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn bà U và ông D đã rút lại đơn kiện nhằm để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng sau đó tình cảm giữa hai bên vẫn không hàn gắn được. Về phía bà U quá trình giải quyết vụ án bà U mặc dù biết ông D yêu cầu ly hôn nhưng bà U không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có thiện chí đến Tòa tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm với ông D. Từ đó, cho thấy bà U đã từ bỏ quyền lợi của mình, bà U không mong muốn hàn gắn tình cảm với ông D.

Tại Khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

“1. Toà án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Toà án quyết định cho ly hôn.”

Tại Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

“Khi một bên vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án xem xét, giải quyết việc ly hôn.”

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: tình cảm vợ chồng giữa ông D và bà U đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã thực sự trầm trọng, ông bà đã không còn sống chung trong suốt một thời gian dài, nếu ông D và bà U có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Do đó, ông D yêu cầu ly hôn bà U là có căn cứ và phù hợp với quy pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông D xác định quá trình chung sống với bà U có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1978, Nguyễn Thanh N, sinh năm 1982 và Nguyễn Thanh G, sinh năm 1984. Các con đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), do ông D là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, **Điều 228** Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn D. Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị U.

- Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1978, Nguyễn Thanh N, sinh năm 1982 và Nguyễn Thanh G, sinh năm 1984. Các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn D được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, do ông D là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP Sa Đéc;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phấn

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP Sa Đéc;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phần

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP Sa Đéc;
- UBND Phường 4, thành phố Sa Đéc;
tỉnh Đồng Tháp.
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phần

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đường sù;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sa Đéc;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TP Sa Đéc;
- UBND xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò;
tỉnh Đồng Tháp.
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phấn

